

Phụ lục 5. CƠ CẤU NHÂN LỰC, KHOA PHÒNG, DIỆN TÍCH BỆNH VIỆN ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 17/6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Hiện trạng					Năm 2025					Giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
	Tên khoa phòng	Giường Kế hoạch	Số BS	Số điều dưỡng (Điều dưỡng, KTV, YTCC)	Diện tích sử dụng (m2)	Tên khoa phòng	Giường Kế hoạch	Số BS	Số điều dưỡng (Điều dưỡng, KTV, YTCC)	Diện tích sử dụng (m2)	Tên khoa phòng	Giường Kế hoạch	Số BS	Số điều dưỡng (Điều dưỡng, KTV, YTCC)	Diện tích sử dụng (m2)	
I	Ban Giám đốc					Ban Giám đốc					Ban Giám đốc					
1	Phòng Giám đốc		1		32	1.Phòng Giám đốc		1		36	1.Phòng Giám đốc		1		36	
2	Phó Giám đốc		1		24	2.Phó Giám đốc		1		24	2.Phó Giám đốc		1		24	
3	Phó Giám đốc		1		15	3.Phó Giám đốc		1		24	3.Phó Giám đốc		1		24	
II	Các phòng					Các phòng					Các phòng					
1	Tổ chức Hành chính		1		75	1.Tổ chức Hành chính		0		147	1.Tổ chức Hành chính		0		147	
2	Kế hoạch tổng hợp		4	6	105	2.Kế hoạch tổng hợp, chỉ đạo tuyến		4	6	144	2.Kế hoạch tổng hợp, chỉ đạo tuyến		5	7	144	
3	Tài chính kế toán		0	0	60	3.Tài chính kế toán		0	0	123	3.Tài chính kế toán		0		123	
4	Phòng Điều dưỡng & KSNK		1	5	495	4.Phòng Điều dưỡng & KSNK		1	5	336	4.Phòng Điều dưỡng & KSNK		0	7	336	
III	Các khoa					Các khoa					Các khoa					
	1. Khoa Khám bệnh	1	4	6	135	1.Khoa Khám bệnh, cấp cứu	1	4	5	504	1.Khoa Khám bệnh, cấp cứu	3	4	12	528	Năm 2025 Kiện toàn các khoa
	2. Khoa Nam	40	4	7	412	2.Khoa Tâm thần nội sinh	30	3	6	535	2.Khoa Tâm thần nội sinh	45	6	13	625	
	3. Khoa Nữ	39	4	7	412	3. Khoa Tâm thần thực tổn và người cao tuổi	20	3	5	469	3. Khoa Tâm thần thực tổn và người cao tuổi	30	4	11	553	
	4. Khoa PHCN	40	5	7	424	4.Khoa Tâm lý lâm sàng và Phục hồi chức năng	30	4	5	535	4.Khoa Tâm lý lâm sàng và Phục hồi chức năng	47	6	13	661	
						5.Khoa điều trị lạm dụng chất	25	3	6	505	5.Khoa điều trị lạm dụng chất	45	6	13	625	
						6.Khoa Trẻ em và vị thành niên	14	2	5	457	6.Khoa Trẻ em và vị thành niên	30	4	12	553	
	5. Khoa Cận lâm sàng		3	6	165	7.Khoa Cận lâm sàng		2	4	908	7. Khoa Cận lâm sàng		3	7	908	
	6. Khoa Dược		0	0	105	8.Khoa Dược và Vật tư thiết bị y tế		0	0	327	8. Khoa Dược và Vật tư thiết bị y tế		0		327	
	7. Khoa Dinh dưỡng		0	9	308	9.Khoa Dinh dưỡng		0	7	411	9. Khoa Dinh dưỡng		0	7	411	
	Khu phụ trợ				818	Khu phụ trợ				2214	Khu phụ trợ				2214	

STT	Hiện trạng					Năm 2025					Giai đoạn 2026-2030					Ghi chú
	Tên khoa phòng	Giường Kế hoạch	Số BS	Số điều dưỡng (Điều dưỡng, KTV, YTCC)	Diện tích sử dụng (m2)	Tên khoa phòng	Giường Kế hoạch	Số BS	Số điều dưỡng (Điều dưỡng, KTV, YTCC)	Diện tích sử dụng (m2)	Tên khoa phòng	Giường Kế hoạch	Số BS	Số điều dưỡng (Điều dưỡng, KTV, YTCC)	Diện tích sử dụng (m2)	
Tổng	11 khoa, phòng	120	29	53	3.585	13 khoa, phòng	120	29	54	7699	13 khoa, phòng	200	43	108	8.774	